TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-PT
Ngày 17-3-2025
V/v xin ly hôn, yêu cầu chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Nguyệt;

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2024/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc xin ly hôn, yêu cầu chia tài sản chung;

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo; kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Văn T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lưu Văn T: Bà Hoàng Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hoàng Thị C:

+ Bà Chu Bích T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

+ Ông Vy Văn P, địa chỉ: Đường Lê Đại H, phường Đông K, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị Lệ T, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Anh Hoàng Văn B. Địa chỉ: Thôn Thống N, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Chị Chu Thị H. Địa chỉ: Thôn Thống N, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

5. Bà Vy Thị L. Địa chỉ: Thôn Thống N, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

6. Ông Vy Văn H. Địa chỉ: Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

7. Bà Hoàng Thị K. Địa chỉ: Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

8. Bà Vy Thị N. Địa chỉ: Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

9. Anh Vy Văn T. Địa chỉ: Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

10. Chị Chu Thị T. Địa chỉ: Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị C là bị đơn.

Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lưu Văn T trình bày: Ông Lưu Văn T và bà Hoàng Thị C được hai bên gia đình tổ chức cưới vào cuối năm 2009, trước khi cưới được tìm hiểu nhau từ năm 2008, đồng ý tiến tới hôn nhân và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống tình cảm và hạnh phúc, không có mâu thuẫn phát sinh mà do phía bà Hoàng Thị C và con riêng của bà Hoàng Thị C tên là Hoàng Thị Lệ T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với con riêng nên dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình, từ những mâu thuẫn đó đã gây áp lực cho ông Lưu Văn T từ năm 2021 đến nay, bà Hoàng Thị C đã làm đơn ly hôn ông Lưu Văn T từ năm 2023, sau đó đã rút đơn về, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được vì vậy ông Lưu Văn T xin được ly hôn với bà Hoàng Thị C.

- Về con chung, nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung:

+ Đất: Có 02 thửa đất số 850 và 851, tờ bản đồ số 13, có tổng diện tích 100,7m^2, trị giá 120.840.000 đồng, tại địa danh thôn Bản Khính, xã Khánh Khê, huyện Văn Quan đã được Ủy ban nhân dân huyện Văn Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T cấp ngày 10/11/2011. Diện tích đất có nguồn gốc là của bà Hoàng Thị C, do bà Hoàng Thị C xây nhà cho em trai là Hoàng Văn B, nên anh Hoàng Văn B nhượng lại cho bà Hoàng Thị C quản lý, sử dụng thửa đất này, sau này bà Hoàng Thị C đồng ý lấy tài sản riêng của bà Hoàng Thị C làm tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn ông Lưu Văn T yêu cầu được chia đôi diện tích đất này.

+ Tài sản trên đất: Có 01 nhà cấp 4 diện tích 21,84m^2, xây bằng gạch bê tông, mái lợp Proxi măng, bếp có diện tích 20,1m^2, nhà tạm mái hiên có diện tích 35,3m^2, tường rào xây bằng gạch bê tông. Tổng trị giá trị khoảng 150.000.000 đồng. Khi xây ông Lưu Văn T cũng được góp tiền và thuê thợ cùng làng ra xây dựng.

+ Kệ ti vi gỗ ép trị giá 500.000 đồng. mua năm nào không nhớ, nhưng đã bị bà Hoàng Thị C vứt đi.

+ 01 Ti vi LG 21in mua năm 2014 trị giá 500.000 đồng; 01 Tủ lạnh Shalp mua năm 2015 trị giá 1.000.000 đồng đều do bà Hoàng Thị C trả tiền; 01 két sắt mua năm 2017 trị giá 1.550.000 đồng do bà Hoàng Thị C mua; 01 bếp ga Cozi Trung Quốc mua năm 2015 trị giá 500.000 đồng do vợ chồng mua nhưng không nhớ năm nào; 01 Téc nước Suki loại 2000 lít mua năm 2022 trị giá 4.500.000 đồng bà Hoàng Thị C bỏ tiền mua; 02 Giường ngủ 1,5m gỗ tạp x 800.000 đồng/1 cái = 1.600.000 đồng ông Lưu Văn T mua 1 cái vào năm 2010, bà Hoàng Thị C mua một cái mua từ năm 2013); 01 Cây Xoài đường kính gốc 10cm có giá trị 567.000 đồng; 01 Cây Mác mật đường kính gốc 05cm có giá trị 129.000đ (cây xoài và cây mác mật không nhớ trồng năm nào); 01 Chuồng gà trị giá 500.000 đồng (bằng sắt phi 6 do ông Lưu Văn T đi mua từ Lạng Sơn về mua năm nào không nhớ); 01 Tủ quần áo 2 buồng gỗ ép trị giá 500.000 đồng mua năm 2013 do ông Lưu Văn T mua; 01 bể phốt 3m^3 trị giá 20.000.000 đồng xây năm 2015-2016 do ông Lưu Văn T thuê anh em về xây; 01 xe mô tô HONDA WAVE đỏ đen mua năm 2019 trị giá 15.000.000 đồng do bà Hoàng Thị C bỏ tiền ra mua mang tên bà Hoàng Thị C.

+ Ngoài ra còn có 01 máy tuốt lúa bà Hoàng Thị C mua năm 2014; 01 máy cày bà Hoàng Thị C mua từ năm 2013; 01 thùng tôn đựng thóc, những tài sản này do bà Hoàng Thị C tự lấy vào cho con trai ông Lưu Văn T là Lưu Văn Long dùng. Hiện nay đã hỏng, rỉ sét hết. Nếu bà Hoàng Thị C yêu cầu lấy thì bà Hoàng Thị C tự vào nhà lấy, ông Lưu Văn T không yêu cầu chia các tài sản này.

Tổng giá trị tài sản chung theo ông Lưu Văn T xác định là 317.686.000 đồng. Khi ly hôn ông Lưu Văn T yêu cầu chia mỗi người ½ giá trị tài sản chung. Nếu bà Hoàng Thị C yêu cầu được sử dụng thì phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lưu Văn T ½ tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định được tổng diện tích đất tranh chấp là 118.2m² là đất trồng lúa, nhưng hiện trạng đã xây dựng nhà ở. Trong đó có 3.2m² thuộc một phần thửa đất số 498; diện tích 2.7m² thuộc

một phần thửa số 290; diện tích 54.7m² thuộc một phần thửa số 850; diện tích 13.9m² thuộc một phần thửa số 292; diện tích 43.3m² thuộc một phần thửa số 851 và 0.4m² thuộc một phần thửa 291 đều thuộc tờ bản đồ số 13 xã Khánh Khê, huyện Văn Quan. Kết quả định giá đất có tổng giá trị là 2.000.000 đồng/01m² x 118,2m² = **236.400.000 đồng.**

Tài sản gắn liền với đất gồm có:

+ Nhà ở (nhà gốc) diện tích 24,3m², tường xây gạch bê tông xi măng, mái lợp pro xi măng, hoành kèo bằng tre, nền lát gạch hoa. Theo ông Lưu Văn T thì xây dựng năm 2011, còn theo bà Hoàng Thị C xây dựng năm 2009. Giá trị còn lại sau khi khấu hao là **14.871.600 đồng.**

+ Nhà bếp và nhà vệ sinh tường xây gạch bê tông xi măng, mái lợp pro xi măng, nền lát gạch hoa, có tổng diện tích 19,6m², xây dựng cùng thời điểm với nhà gốc. Giá trị hiện còn là **3.339.840 đồng.**

+ Nhà trước (là phần cơi nới ra phía trước) có tổng diện tích 43,5m², do con rể của bà Hoàng Thị C là anh Đỗ Xuân H xây dựng năm 2023, nhà làm bằng khung sắt, tường và trần làm bằng thạch cao, mái lợp tôn lạnh, nền lát gạch hoa, cửa chính và cửa sổ bằng cửa kính khung nhôm cao cấp; cửa buồng bằng cửa kính khung nhôm thường. Giá trị hiện còn là **149.416.307 đồng**

+ Tường rào: Cao 1,2m dài 14,84m xây bằng gạch bê tông xi măng; xây năm 2009. Giá trị hiện còn là **2.418.326 đồng.**

+ Sân: Lát gạch Celamic do anh Đỗ Xuân H làm có diện tích 25,1m². Giá trị hiện còn: **9.578.160 đồng**

+ Cổng sắt 1,37m x 1,6m = 2,192m^2 do anh Đỗ Xuân H làm năm 2023. Giá trị hiện còn là: **2.719.834 đồng.**

+ Các tài sản khác hiện có tại thời điểm xem xét thẩm định gồm có:

+ 01 két sắt bà Hoàng Thị C mua năm 2016, Giá trị hiện còn là **310.000 đồng.**

+ 01 bếp ga Cori Trung Quốc do bà Hoàng Thị C mua năm 2015. Giá trị hiện còn là **100.000 đồng.**

+ 01 téc nước Suki 2000 lít do anh Đỗ Xuân H mua năm 2022. Giá trị hiện còn là **2.700.000 đồng.**

+ 01 giường ngủ 1,5m ông Lưu Văn T mua năm 2010. Giá trị 0 đồng vì đã hết khấu hao và không còn giá trị sử dụng trên thực tế.

+ 01 tủ quần áo 02 buồng gỗ ép do ông Lưu Văn T mua năm 2013. Giá trị 0 đồng vì đã hết khấu hao và không còn giá trị sử dụng trên thực tế.

+ 01 chuồng gà hàn khung thép, mái lợp tôn, kích thước 0,7 x 1,5m ông Lưu Văn T cho rằng mình mua, còn bà Hoàng Thị C cho rằng bà Hoàng Thị C mua, còn ông Lưu Văn T đèo về. Giá trị hiện còn là **228.940 đồng.**

+ 01 cây xoài có đường kính gốc 11cm bà Hoàng Thị C trồng năm 2018. Trị giá **1.248.000 đồng.**

+ 01 cây Mác mật đường kính gốc 07cm do bà Hoàng Thị C trồng năm 2016, ông Lưu Văn T cho rằng mình trồng nhưng không nhớ năm nào Trị giá **203.000 đồng**

+ 01 téc nước Tân Á, dung tích 1.200 lít do bà Hoàng Thị C mua năm 2009. Giá trị hiện còn là **400.000 đồng**

+ 01 tủ lạnh nhãn hiệu Shap do bà Hoàng Thị C mua năm 2015, hiện đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng, giá trị hiện còn là **1.000.000 đồng.**

Tổng giá trị tài sản tranh chấp gồm đất, công trình trên đất và các tài sản khác là: 424.934.007 đồng.

+ 01 bể phốt ngầm, không đo được diện tích do là bể ngầm nên ông Lưu Văn T đồng ý cho bà Hoàng Thị C sử dụng không yêu cầu giải quyết và không định giá

- Các tài sản khác mà nguyên đơn yêu cầu nhưng không còn tồn tại tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ gồm:

+ 01 giường ngủ 1,5m bà Hoàng Thị C mua năm 2013, do đã hỏng nên bà Hoàng Thị C đã vứt bỏ

+ 01 Tivi nhãn hiệu LG 21in do bà Hoàng Thị C mua năm 2014 nhưng đã hỏng nên bà Hoàng Thị C đã vứt bỏ

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, do bà Hoàng Thị C mua năm 2018, nhưng bà Hoàng Thị C đã bán cho người khác

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lưu Văn T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Về đất: Rút yêu cầu đối với phần diện tích đất 3,2m² đất giao thông, thuộc một phần thửa đất số 498, tờ bản đồ số 13 xã Khánh Khê. Tại phiên tòa ông Lưu Văn T tiếp tục rút yêu cầu đối với các diện tích đất 13.9m² thuộc một phần thửa đất số 292; diện tích 2,7m² thuộc thửa số 290; diện tích 0,4m² thuộc thửa đất số 291.

- Về tài sản:

+ 01 Tivi LG 21 inh. Nay không yêu cầu giải quyết do đã hỏng

+ 01 tủ kệ đã hỏng, không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu giải quyết.

+ 01 xe mô tô Honda Wave đỏ đen BKS 12D.24122 do bà Hoàng Thị C đã bán nên không yêu cầu giải quyết.

+ 01 bể phốt do là bể ngầm không xác định được diện tích, dung tích nên không yêu cầu giải quyết.

*** Bà Hoàng Thị C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân**:** Nhất trí như ông Tứ trình bày. Từ năm 2023 đến nay đã sống ly thân, nay không còn yêu thương, không còn quan tâm nhau nữa nên bà Hoàng Thị C nhất trí ly hôn của ông Lưu Văn T.

- Về con chung, nợ chung: Không có.

- Tài sản chung của vợ chồng:

+ Bà Hoàng Thị C có 02 thửa đất số 850 và 851, tờ bản đồ số 13 tổng diện tích là 100,7m², địa chỉ tại Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc này do bố mẹ đẻ là ông Hoàng Văn Khon, bà Vi Thị Lít để lại cho em trai là Hoàng Văn B. Năm 2009 do Hoàng Văn B không có tiền xây nhà, còn bà Hoàng Thị C có được một khoản tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất ở thôn An Chi, xã Bình Trung, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, nên Hoàng Văn B đã đổi cho bà Hoàng Thị C 02 thửa đất số 850 và 851, tờ bản đồ số 13 để Hoàng Văn B lấy khoản tiền bồi thường của bà Hoàng Thị C về để làm nhà. Khi đó giữa bà Hoàng Thị C và Hoàng Văn B có lập giấy tờ chuyển nhượng đầy đủ, có xác nhận của trưởng thôn là ông Chu Văn Tháo.

Từ năm 2011 bà và ông Lưu Văn T chưa đăng ký kết hôn nhưng đã có tình cảm và qua lại với nhau và do không hiểu biết pháp luật nên khi đó đã nhờ ông Lưu Văn T đi làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên. Ngày 11/10/2011 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ946689, số vào sổ CH 01105 đứng tên Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận ông Lưu Văn T có mang về cho bà Hoàng Thị C cất giữ, thì mới biết ông Lưu Văn T tự kê khai tên của ông Lưu Văn T vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng do không hiểu biết pháp luật nên bà Hoàng Thị C không khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền.

Nay ông Lưu Văn T cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu được chia 02 thửa đất này bà Hoàng Thị C không nhất trí.

+ Tài sản trên đất: Có 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 21,84m^2, xây bằng gạch bê tông, mái lợp Proxi măng, 01 bếp có diện tích 20,1m^2, nhà tạm có mái hiên lợp pro xi măng có diện tích 35,3m^2, tường rào bao quanh xây bằng gạch bê tông. Đối với căn nhà cấp 4 và bếp do bà Hoàng Thị C xây dựng từ năm 2009, tường rào xây dựng khoảng năm 2015, khi đó ông Lưu Văn T chưa về ở với bà Hoàng Thị C nên không có đóng góp gì mà toàn bộ do bà Hoàng Thị C tự bỏ tiền để xây dựng. Đến tháng 10 năm 2023 thì mới tu sửa và cơi nới thêm mái hiên ở phía trước nhà, do con gái và con con rể của bà Hoàng Thị C là Hoàng Thị Lệ T và Đỗ Xuân H tự bỏ tiền mua nguyên vật liệu về làm, khi đó bà và ông Lưu Văn T đã sống ly thân, ông Lưu Văn T về thôn Bản Noóc, xã An Sơn, huyện Văn Quan sinh sống nên không có đóng góp gì. Vì vậy bà Hoàng Thị C không đồng ý yêu cầu của ông Lưu Văn T về việc chia tài sản này

Ngoài ra bà Hoàng Thị C có mua một số tài sản hiện nay đang để ở nhà ông Lưu Văn T, do ông Lưu Văn T đang quản lý sử dụng gồm:

- 01 máy tuốt lúa bà Hoàng Thị C mua năm 2014 trước đây mua giá 1.100.000 đồng, giá trị hiện nay không xác định được bao nhiêu tiền.

- 01 máy cày mua từ năm 2013, khi mua giá 11.000.000 đồng, do bà Hoàng Thị C bán trâu để lấy tiền mua.

- 01 thùng tôn đựng thóc, do bà Hoàng Thị C mua giá 500.000 đồng. giá trị hiện nay bà Hoàng Thị C không xác định được bao nhiêu tiền. Sau này căn cứ kết quả định giá để xác định.

Các tài sản này do bà Hoàng Thị C mua bằng tiền của cá nhân, vì vậy yêu cầu ông Lưu Văn T trả lại cho bà Hoàng Thị C các tài sản này.

Đối với các tài sản của gia đình ông Lưu Văn T tại thôn Bản Noóc, xã An Sơn, huyện Văn Quan mà bà Hoàng Thị C đã nêu trong bản tự khai là tài sản của ông Lưu Văn T nay bà Hoàng Thị C không yêu cầu chia, không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Hoàng Thị Lệ T trình bày: Tất cả tài sản đều do mẹ là bà Hoàng Thị C lập trước khi kết hôn với bố dượng là ông Lưu Văn T, sau này năm 2019 mới kết hôn với ông Lưu Văn T. Vì vậy ông Lưu Văn T không có công sức đóng góp gì đối với các tài sản này.

Chị Thu sinh sống với bà Hoàng Thị C từ nhỏ cho đến nay, đến năm 2022 kết hôn với anh Đỗ Xuân H. Trước khi chị Hoàng Thị Lệ T kết hôn thì bản thân chị Hoàng Thị Lệ T không có đóng góp gì vào khối tài sản của bà Hoàng Thị C, đến năm 2023 thì vợ chồng chị mới tu sửa căn nhà hiện nay đang ở, cụ thể là thuê thợ làm khung sắt, bắn mái tôn, làm trần thạch cao, lát nền phần phía trước cửa và làm trần thạch cao phòng khách, cổng sắt, 01téc nước nhãn hiệu Suki. Ngoài ra vợ chồng chị Hoàng Thị Lệ T không có đóng góp gì khác. Khi ông Lưu Văn T và bà Hoàng Thị C ly hôn, nếu theo quy định của pháp luật buộc phải chia tài sản thì yêu cầu ai là người được quyền quản lý, sử dụng tài sản là căn nhà trên đất tranh chấp thì phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Thu số tiền 240.000.000 đồng là tiền đã bỏ ra để tu sửa nhà và mua sắm tài sản năm 2023. Đây là số tiền thực tế đã bỏ ra, sau này kết quả định giá tài sản có giá trị còn lại bao nhiêu tiền thì yêu cầu được thanh toán theo kết quả định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Xuân H trình bày: Nhất trí với phần trình bày của chị Hoàng Thị Lệ T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Chu Thị H (vợ anh Hoàng Văn B) trình bày: Năm 2007 chị về làm dâu thì đến năm 2008 chị Hoàng Thị C xây dựng cho vợ chồng chị căn nhà mà hiện nay vợ chồng chị đang ở, còn vợ chồng chị Chu Thị H để lại cho chị Hoàng Thị C diện tích đất mà hiện nay ông Lưu Văn T đang tranh chấp. Vợ chồng chị Chu Thị H chỉ cho chị Hoàng Thị C chứ không phải cho ông Lưu Văn T. Nay đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Hoàng Thị C tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vy Văn H trình bày: Đối với nguồn gốc đất hiện nay gia đình ông Hảo đang ở là đổi đất với ông Hoàng Văn Khon và bà Vi Thị Lít là bố mẹ đẻ của bà Hoàng Thị C vào năm 1997. Gia đình vẫn quản lý sử dụng đất ở theo khuôn viên từ trước đến nay, phần đất của gia đình ông Vy Văn H chồng lấn sang thửa đất bà Hoàng Thị C đang quản lý, sử dụng ông Vy Văn H không có gì thắc mắc.

Ủy ban nhân dân xã Khánh K, huyện Văn Q về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân cho biết: Bà Hoàng Thị C và ông Hoàng Văn Lưu Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Khê, theo sổ đăng ký kết hôn quyển số 01/2019, đăng ký ngày 21/11/2019.

Ủy ban nhân dân huyện Văn Q: Đối chiếu với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Văn Quan đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các thửa đất tranh chấp thuộc quy hoạch mục đích đất ở tại nông thôn.

Kiểm tra hồ sơ chuyển quyền năm 2011 hộ ông Hoàng Văn B và bà Chu Thị H chuyển nhượng diện tích 100,7 m^2 đất trồng lúa thuộc thửa đất số 850 và 851 tờ bản đồ địa chính số 13 cho bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T (trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 09/HĐCN được UBND xã Khánh Khê chứng thực ngày 29/8/2011 không có chữ ký của ông Lưu Văn T) kèm theo hồ sơ chuyển nhượng có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 946689, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 01105 cấp ngày 11/10/2011. Thời điểm kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011 bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T chưa đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng do vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lưu Văn T và bà Hoàng Thị C

2. Về tài sản:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn T về việc chia các tài sản chung sau đây:

- Đối với tài sản chung là thửa đất số 850 có diện tích là 54.7m² và thửa số 851 có diện tích 43.3m², thuộc tờ bản đồ số 13 xã Khánh Khê, địa chỉ tại Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 946689, số vào sổ CH01105, cấp ngày 11/10/2011, đứng tên bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T. Bà Hoàng Thị C được quyền quản lý, sử dụng và có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho ông Lưu Văn T 30% giá trị tài sản tương ứng với tổng số tiền là 58.800.000 đồng.

- Tài sản là căn nhà cấp 4 diện tích 24,3m² và công trình phụ gồm bếp, nhà vệ sinh diện tích 19,6m², tường rào cao 1,2m dài 14,84m (đều được xây dựng trên thửa đất tranh chấp nêu ở trên) bà Hoàng Thị C được quyền quản lý, sử dụng và có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho ông Lưu Văn T tướng ứng 50% giá trị tài sản với tổng số tiền là 10.314.883 đồng.

- Đối với 01 chuồng gà hàn khung thép, mái lợp tôn; 01 cây xoài và 01 cây Mác mật đường kính gốc 07cm, bà Hoàng Thị C được quyền sở hữu, quản lý, sử

dụng và có nghĩa vụ thanh toán phần tiền chênh lệch cho ông Lưu Văn T tương đương 50% giá trị là 839.970 đồng.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của ông Lưu Văn T đối với 01 két sắt; 01 bếp ga Cori Trung Quốc; 01 téc nước Tân Á, dung tích 1.200 lít; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Shap.

2.3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Lưu Văn T do đã rút yêu cầu đối với diện tích đất 13.9m² thuộc một phần thửa đất số 292 ký hiệu trên mảnh trích đo là S4 gồm các điểm C,D,E,Q,O,N và khép về C; diện tích 2,7m² thuộc thửa số 290, ký hiệu trên mảnh trích đo là S2 gồm các điểm H,K,M,P; diện tích 0,4m² thuộc thửa đất số 291, ký hiệu trên mảnh trích đo là S6, gồm các điểm G,H,P và diện tích 3,2m², thuộc một phần thửa đất số 498, tờ bản đồ số 13, ký Chu Thị H trên mảnh trích đo địa chính là S1, gồm các điểm A,B,M,K,L.

2.4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Lưu Văn T do đã rút yêu cầu đối với các tài sản: 01 bể phốt ngầm, 01 Tivi LG 21 inh; 01 tủ kệ và 01 xe mô tô Honda Wave đỏ đen BKS 12D.24122.

3. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Hoàng Thị Lệ T, cụ thể: Bà Hoàng Thị C được quản lý, sử dụng phần nhà phía trước có diện tích 43.5m²; bậc thềm diện tích 5.7m²; sân lát gạch diện tích 25.1m²; 01 cổng sắt diện tích 1,37m; 01 téc nước Suki 2000 lít. Bà Hoàng Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hoàng Thị Lệ T tổng số tiền của các tài sản này là 164.414.301 đồng.

4. Chi phí tố tụng: Ông Lưu Văn T phải chịu chi phí tố tụng là 3.728.907 đồng. Chị Hoàng Thị Lệ T phải chịu chi phí tố tụng là 5.466.897 đồng. Bà Hoàng Thị C phải chịu chi phí tố tụng là 4.934.196 đồng. Do ông Lưu Văn T là người nộp tạm ứng trước, nên bà Hoàng Thị C phải thanh toán lại cho ông Lưu Văn T số tiền 4.934.196 đồng và chị Thu phải thanh toán lại cho ông Lưu Văn T số tiền 5.466.897 đồng .

5. Về án phí: Các đương sự được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, yêu cầu thi hành án.

Trong thời hạn luật định bị đơn bà Hoàng Thị C kháng cáo: Không đồng ý chia tài sản là đất và tài sản là nhà, bếp, công trình phụ trên đất cho ông Lưu Văn T; Không đồng ý chia các tài sản mà bà Hoàng Thị C đã bỏ tiền ra mua như bản án sơ thẩm đã tuyên; Không đồng ý chịu các chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp, không đồng ý chịu án phí; Yêu cầu xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ946689, số vào sổ CH 01105 đứng tên bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T.

Viện trưởng VKSND tỉnh Lạng Sơn kháng nghị: Xử hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn do Bản án có vi phạm về tố tụng, vi phạm về đánh giá chứng cứ, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị C giữ nguyên nội dung kháng cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn;

Nguyên đơn ông Lưu Văn T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với các nội dung kháng cáo không chấp nhận chia tài sản thấy việc cấp sơ thẩm nhận định bà Cam tự nguyện để ông Tứ sở hữu chung tài sản và chấp nhận chia cho ông Tứ 30% giá trị đất là có căn cứ, tuy nhiên chia 50% giá trị tài sản khác (nhà, công trình phụ . . .) là không phù hợp vì tài sản đều do bà Cam tạo lập, ông Tứ chỉ có công sức đóng góp trong việc duy trì, trông coi, quản lý tài sản, do đó cần xem xét lại tỷ lệ chia cho phù hợp.

Đối với kháng cáo không đồng ý chịu các chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp, không đồng ý chịu án phí: Nội dung này là quy định bắt buộc của pháp luật, không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên chi phí tố tụng và án phí trong vụ án này cần phải xác định lại theo đúng quy định của BLTTDS.

Đối với Yêu cầu xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BDD946689, số vào sổ CH 01105 đứng tên bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T, thấy: Nội dung kháng cáo và yêu cầu này của bị đơn không phải yêu cầu khởi kiện của vụ án, mặt khác vụ án này là vụ án "*Ly hôn chia tài sản chung"* không phải vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, nên không xem xét việc hủy giấy chứng nhận.

Ngoài Bản án cấp sơ thẩm còn có vi phạm khác cần khắc phục, sửa chữa: Về việc xác định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng trong vụ án ly hôn, vụ án này nguyên đơn, bị đơn thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; còn về chi phí định giá tài sản thì mỗi người được chia tài sản phải chịu chi phí định giá tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Bản án sơ thẩm còn có một số thiếu sót như không xác định cụ thể số tiền án phí các đương sự phải chịu, mà chỉ nhận định và quyết định các đương sự được miễn án phí là chưa đầy đủ. Đối với yêu cầu độc lập của chị Thu, ai được quản lý tài sản phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị số tiền 240.000.000 đồng, Tòa án sơ thẩm thụ lý theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm chị Thu thay đổi yêu cầu, yêu cầu bồi thường theo kết quả định giá là 164.414.301 đồng. Bản án sơ thẩm buộc bà Cam thanh toán cho chị Thu số tiền là 164.414.301 đồng, nhưng không nhận định, quyết định đối với số tiền

còn lại (240.000.000đ - 164.414.301đ = **75.585.699 đ**) mà Tòa án đã thụ lý, chị Thu đã thay đổi là thiếu sót.

Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn thay đổi nội dung kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm xem xét áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát; sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do có sửa bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuy nhiên những người này đã có bản ghi ý kiến trong hồ sơ, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, các đương sự có mặt tại phiên tòa và kiểm sát viên đều đề nghị hội đồng tiếp tục xét xử vụ án. Theo quy định Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị C, thấy về nguồn gốc tài sản chung là thửa đất số 850 và 851, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa số 850 có diện tích 55.8m², thửa đất số 851 có diện tích 44.9m². Còn theo kết quả xem xét thẩm định xác định được theo hiện trạng đang sử dụng thì thửa 850 có diện tích là 54.7m² và thửa số 851 có diện tích 43.3m². Hai thửa đất này cả bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T đều thừa nhận có nguồn gốc là của vợ chồng ông Hoàng Văn B, bà Chu Thị H chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị C. Nhưng đến năm 2011 mặc dù chưa đăng ký kết hôn, nhưng bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T đã chung sống như vợ chồng đến ngày 11/10/2011 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ946689, số vào sổ CH 01105 đứng tên Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T. Xét về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đảm bảo quy định của pháp luật do trong hợp đồng chuyển nhượng không có chữ ký của ông Lưu Văn T; khi đó ông Lưu Văn T và bà Hoàng Thị C chung sống như vợ chồng, nhưng chưa phải là vợ chồng hợp pháp nhưng lại cấp giấy theo thủ tục cấp cho ông Lưu Văn T, bà Hoàng Thị C mà không cấp theo thủ tục sở hữu của cá nhân. Tuy nhiên, toàn bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà Hoàng Thị C kê khai và ký tên, đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Lưu Văn T cũng đưa cho bà Hoàng Thị C cất giữ, việc ông Lưu Văn T cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Hoàng Thị C khẳng định mình biết nhưng không thắc mắc, không khiếu nại cho đến khi xảy ra tranh chấp. Xét về yêu cầu kháng cáo của bà Cam là có căn cứ chấp nhận một phần tuy nhiên phải xem xét đến công sức đóng góp vào việc xây dựng, duy trì, trông coi và quản lý khối tài sản chung, cần chia cho ông Lưu Văn T 30%, bà Hoàng Thị C 70% giá trị tài sản. Bà Hoàng Thị C được quyền quản lý, sử dụng và có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho ông Lưu Văn T 30% giá

trị tài sản tương ứng với tổng số tiền là 58.800.000 đồng như Bản án sơ thẩm nhận định là phù hợp.

[3] Về tài sản trên đất gồm: Nhà ở (nhà gốc) diện tích 24,3m², Giá trị **14.871.600 đồng;** Nhà bếp và nhà vệ sinh tường Giá trị là **3.339.840 đồng;** Nhà trước (là phần cơi nới ra phía trước) có tổng diện tích 43,5m², do con rể của bà Hoàng Thị C là anh Đỗ Xuân H xây dựng năm 2023, nhà làm bằng khung sắt, tường và trần làm bằng thạch cao, mái lợp tôn lạnh, nền lát gạch hoa, cửa chính và cửa sổ bằng cửa kính khung nhôm cao cấp; cửa buồng bằng cửa kính khung nhôm thường. Giá trị hiện còn là **149.416.307 đồng** + Tường rào: Giá trị là **2.418.326 đồng** + Sân. Giá trị **9.578.160 đồng** + Cổng sắt. Giá trị **2.719.834 đồng.** Theo ông Lưu Văn T thì xây dựng năm 2011, còn theo bà Hoàng Thị C xây dựng năm 2009. Tài sản là căn nhà cấp 4 và công trình phụ gồm bếp, nhà vệ sinh, bà Hoàng Thị C cho rằng do bà tự bỏ tiền ra xây dựng. Nhưng căn cứ vào lời khai của những người làm chứng thì ông Lưu Văn T là người thuê họ về xây dựng nhà và ông Lưu Văn T là người trả tiền công cho họ vì thời điểm xây dựng nhà thì bà Hoàng Thị C đang đi làm công ty, việc trông coi xây dựng là do ông Lưu Văn T chứ không phải do bà Hoàng Thị C. Tiền bỏ ra để mua nguyên vật liệu xây nhà không ai chứng minh được, do tài sản có trước của Hoàng Thị C nên ông Lưu Văn T được chia tiền công duy trì, trông coi, tu bổ tài sản tương ứng với tổng giá trị tài sản là 58.800.000 đồng, ông Lưu Văn T được chia 20%, bà Hoàng Thị C được chia 80%. Việc cấp sơ thẩm nhận định bà Hoàng Thị C tự nguyện để ông Lưu Văn T sở hữu chung tài sản và chấp nhận chia cho ông Tứ 30% giá trị đất là có căn cứ, tuy nhiên chia 50% giá trị tài sản khác (nhà, công trình phụ . . .) là không phù hợp vì tài sản đều do bà Hoàng Thị C tạo lập, ông Lưu Văn T chỉ có công sức đóng góp trong việc duy trì, trông coi, quản lý tài sản.

[4] Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân tỉnh Lạng Sơn về các chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp. Thấy vụ án này nguyên đơn, bị đơn thuận tình ly hôn Theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự *"…. trường hợp cả hai thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu một nửa chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ"*; về nghĩa vụ chịu chi phí định giá, theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự "*trường hợp yêu cầu chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia",* do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ chịu chi phí là không có căn cứ, cần sửa Bản án cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ946689, số vào sổ CH 01105 đứng tên bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T. Thấy: Tại cấp sơ thẩm bà Hoàng Thị C không yêu cầu giải quyết đối với vấn đề này nên tại cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết đối với yêu cầu này.

[6] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận. Ý kiến nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[7] Chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết tổng cộng số tiền 14.130.000 đồng. Ông Lưu Văn T phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định là 6.165.000đ, số tiền chi phí định giá là 450.000đ, tổng cộng số tiền phải chịu là 6.615.000đ; Bà Bà Hoàng Thị C phải số tiền chi phí xem xét thẩm định là 6.165.000đ, số tiền chi phí định giá là 1.325.000đ, tổng cộng số tiền phải chịu là 7.515.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên bị đơn bà Hoàng Thị C không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Đối với tài sản chung là thửa đất số 850 có diện tích là 54.7m² và thửa số 851 có diện tích 43.3m², thuộc tờ bản đồ số 13 xã Khánh K, địa chỉ tại Thôn Bản K, xã Khánh K, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 946689, số vào sổ CH01105, cấp ngày 11/10/2011, đứng tên bà Hoàng Thị C và ông Lưu Văn T. Bà Hoàng Thị C được quyền quản lý, sử dụng và có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho ông Lưu Văn T 30% giá trị tài sản tương ứng với tổng số tiền là 58.800.000 đồng.

2. Tài sản là căn nhà cấp 4 diện tích 24,3m² và công trình phụ gồm bếp, nhà vệ sinh diện tích 19,6m², tường rào cao 1,2m dài 14,84m (đều được xây dựng trên thửa đất tranh chấp nêu ở trên) bà Hoàng Thị C được quyền quản lý, sử dụng và có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho ông Lưu Văn T tương ứng 20% giá trị tài sản với tổng số tiền là 4.125.953 đồng.

3. Đối với 01 chuồng gà hàn khung thép, mái lợp tôn; 01 cây xoài và 01 cây Mác mật đường kính gốc 07cm, bà Hoàng Thị C được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng và có nghĩa vụ thanh toán phần tiền chênh lệch cho ông Lưu Văn T tương đương 20% giá trị là 336.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lưu Văn T phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định là 6.165.000đ, số tiền chi phí định giá là 450.000đ, tổng cộng số tiền phải chịu là 6.615.000đ; Bà Bà Hoàng Thị C phải số tiền chi phí xem xét thẩm định là 6.165.000đ, số tiền chi phí định giá là 1.325.000đ, tổng cộng số tiền phải chịu là 7.515.000 đồng. Xác nhận ông Lưu Văn T đã nộp tổng cộng số tiền 14.130.000 đồng nên buộc bà Hoàng Thị C phải thanh toán cho ông Lưu Văn T số tiền 7.515.000 đồng.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị yêu cầu chậm trả các khoản phải thanh toán nêu ở trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị C không phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND H. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS H. Văn Q, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Khánh K, huyện Văn Q
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lộc Sơn Thái